

BẢN TIN PHÁP LÝ

Tháng 09. 2025

**5 chính sách thuế và kế toán nổi bật
tháng 09/2025**



Bản tin này tóm tắt và tổng hợp các thông tin nổi bật. Áp dụng trường hợp cụ thể cần đọc toàn văn bản pháp luật hoặc tham khảo sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của VTAC

Nội dung chính



Cập nhật quy định mới từ Thông tư 69/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 181/2025/NĐ-CP



Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 67/2025/QH15 – Quy định mới về thu nhập chịu thuế, chi phí được trừ và ưu đãi thuế



Hướng dẫn áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu – Nghị định 236/2025/NĐ-CP



Hướng dẫn hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu – Theo Công văn số 1912/CT-CS ngày 20/6/2025 của Cục Thuế Hà Nội



Hướng dẫn hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu – Theo Công văn số 3611/CT-CS ngày 05/9/2025 của Cục Thuế Hà Nội

Nội dung 1: Cập nhật quy định mới từ Thông tư 69/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 181/2025/NĐ-CP (1)

1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

- **Thông tư 69/2025/TT-BTC** được Bộ Tài chính ban hành ngày 01/7/2025, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi 2024) và **Nghị định 181/2025/NĐ-CP**.
- Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, thay thế toàn bộ các thông tư cũ về thuế GTGT, gồm **Thông tư 219/2013/TT-BTC**, **193/2015/TT-BTC**, **173/2016/TT-BTC**, **103/2014/TT-BTC** và các văn bản sửa đổi liên quan.

Đối tượng áp dụng:

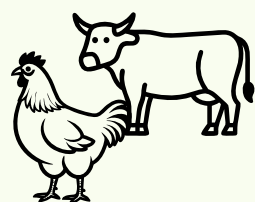
Người nộp thuế GTGT

Cơ quan thuế các cấp

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc kê khai, khấu trừ, hoàn thuế GTGT

2. Quy định về hồ sơ xác định đối tượng không chịu thuế GTGT

Thông tư 69 hướng dẫn cụ thể hồ sơ, thủ tục chứng minh đối tượng không chịu thuế theo **Điều 5 Luật Thuế GTGT** và **Điều 4 Nghị định 181/2025/NĐ-CP**:



Sản phẩm giống vật nuôi: phải có hồ sơ giống và bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của cơ sở sản xuất; nếu nhập khẩu phải có giấy xác nhận nguồn gốc, chất lượng, mục đích sử dụng.

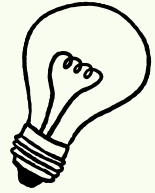


Sách, báo, tạp chí, ấn phẩm nhập khẩu: phải có giấy xác nhận nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.



Hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại: cần có văn bản xác nhận của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế theo quy định.

Nội dung 1: Cập nhật quy định mới từ Thông tư 69/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 181/2025/NĐ-CP (2)



Chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, nhãn hiệu, giống cây trồng): phải có quyết định cấp văn bằng bảo hộ và hợp đồng chuyển nhượng hợp lệ.



Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh: cần có văn bản phê duyệt tiếp nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Điểm mới nổi bật:


Thông tư 69 yêu cầu người nộp thuế tự xác định đối tượng không chịu thuế, đồng thời phải có hồ sơ chứng minh khi cơ quan quản lý yêu cầu. Quy định này nhấn mạnh trách nhiệm chứng minh của doanh nghiệp và chuẩn hóa hồ sơ xác định miễn thuế.


3. Hướng dẫn áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

Người nộp thuế căn cứ quy định tại **khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT** và **Điều 17, 18 Nghị định 181/2025/NĐ-CP** để xác định đối tượng được áp dụng thuế suất 0%.

Trường hợp đặc thù (như xuất khẩu qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài) phải xuất trình hồ sơ chứng minh điều kiện khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào theo **Điều 27, 28 Nghị định 181/2025/NĐ-CP** khi được yêu cầu.

Lưu ý:

 Doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, hợp đồng, tờ khai hải quan, chứng từ vận tải quốc tế hợp lệ.

 Cơ quan thuế có quyền kiểm tra hồ sơ thực tế nếu có nghi ngờ về điều kiện xuất khẩu ảo.

Nội dung 1: Cập nhật quy định mới từ Thông tư 69/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 181/2025/NĐ-CP (3)

4. Nhóm hàng hóa, dịch vụ áp dụng tính thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu

Thông tư 69 ban hành Phụ lục I, quy định cụ thể 4 nhóm hàng hóa, dịch vụ áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT:

Nhóm	Danh mục	Tỷ lệ tính thuế GTGT theo doanh thu
1	Phân phối, cung cấp hàng hóa (bán buôn, bán lẻ, hỗ trợ doanh số, khuyến mại, chiết khấu...)	1%
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu (bưu chính, chuyển phát, tư vấn pháp lý, kế toán, kiểm toán, quảng cáo, cho thuê tài sản...)	5%
3	Sản xuất, vận tải, dịch vụ gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	3%
4	Hoạt động kinh doanh khác áp dụng thuế suất 5% theo phương pháp khấu trừ	2%

Chi tiết về Nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng theo tỷ lệ % để tính thuế xem tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 69/2025/TT-BTC.

→ Các cơ sở kinh doanh theo phương pháp trực tiếp phải khai thuế theo từng mức tỷ lệ tương ứng.

→ Nếu không tách riêng được doanh thu theo từng mức, phải áp dụng tỷ lệ cao nhất trên toàn bộ doanh thu của kỳ

Nội dung 1: Cập nhật quy định mới từ Thông tư 69/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 181/2025/NĐ-CP (4)

5. Quy định về thuế GTGT đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam (thuế nhà thầu)

Thông tư 69 hợp nhất toàn bộ hướng dẫn thuế nhà thầu nước ngoài (FCT), thay thế **Thông tư 103/2014/TT-BTC**, với các điểm chính sau:

1

Đối tượng áp dụng

Nhà thầu nước ngoài có hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam

Các tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động phân phối, cung cấp dịch vụ, thương mại, quảng cáo, tiếp thị, bảo hành... tại Việt Nam.

2

Phương pháp tính thuế

Tính trực tiếp theo doanh thu (không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào).

Doanh thu tính thuế bao gồm toàn bộ tiền nhận được, kể cả chi phí Bên Việt Nam trả thay.

Khi hợp đồng không tách riêng giá trị hàng hóa và dịch vụ, thuế GTGT tính chung cho toàn bộ hợp đồng.

3

Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

Dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa: 5%

Xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%

Xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%

Cho thuê máy móc, phương tiện, dịch vụ vận tải, logistics quốc tế: từ 1%–3% tùy trường hợp.

4

Trách nhiệm nộp thay

Bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài trước khi thanh toán.

Nội dung 1: Cập nhật quy định mới từ Thông tư 69/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 181/2025/NĐ-CP (5)

6. Quy định về hoàn thuế GTGT

Thông tư 69 ban hành kèm Phụ lục II và III, quy định chi tiết công thức xác định số thuế được hoàn đối với:

- Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, và
- Hoạt động sản xuất, cung cấp hàng hóa – dịch vụ chịu thuế suất 5%.

7. Thay thế và bãi bỏ nhiều Thông tư cũ

Thông tư 69/2025/TT-BTC chính thức bãi bỏ toàn bộ hệ thống hướng dẫn cũ từ năm 2013–2023 về thuế GTGT, nhằm đồng bộ hóa quy định theo **Luật Thuế GTGT 2024**.

Các văn bản bị thay thế gồm: **TT219/2013**, **TT193/2015**, **TT173/2016**, **TT103/2014**, **TT130/2016**, **TT93/2017**, **TT25/2018**, **TT13/2023**, cùng nhiều điều khoản rải rác tại các thông tư khác.

8. Hoàn thuế cho doanh nghiệp dùng thuế suất 5%

Doanh nghiệp chỉ sản xuất hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ chịu thuế suất GTGT 5% nếu có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ ≥ 300 triệu đồng trong 12 tháng hoặc 4 quý liên tục, sẽ được hoàn thuế GTGT.

Căn cứ pháp lý: Thông tư 69/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 181/2025/NĐ-CP

* Điểm mới:

Doanh nghiệp chỉ được hoàn thuế khi:

- Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên;
- Số thuế được hoàn không vượt quá 10% doanh thu hàng xuất khẩu trong kỳ;
- Phải hạch toán riêng phần đầu vào dùng cho hoạt động xuất khẩu hoặc sản phẩm 5%.

Nội dung 2: Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 67/2025/QH15 – Quy định mới về thu nhập chịu thuế, chi phí được trừ và ưu đãi thuế (1)



1. Phạm vi – hiệu lực

- **Luật Thuế TNDN** có hiệu lực từ ngày 01/10/2025, áp dụng từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025.
- Thay thế toàn bộ Luật Thuế TNDN 2008 và các luật sửa đổi, bổ sung liên quan (32/2013, 71/2014, 61/2020, 12/2022, 15/2023).

2. Mở rộng diện chịu thuế với doanh nghiệp nước ngoài (đặc biệt lĩnh vực kinh tế số)

Một trong những thay đổi nổi bật nhất của Luật mới là việc mở rộng đáng kể phạm vi đánh thuế đối với doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam, bất kể có cơ sở thường trú hay không.

Cụ thể, **khoản 3 Điều 2** quy định:

“Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài ... bao gồm ...

(e) Nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài tiến hành cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.”

➔ Điều này có nghĩa là **từ ngày 01/10/2025**, các doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh thương mại điện tử hoặc cung cấp dịch vụ xuyên biên giới qua nền tảng số cho người dùng Việt Nam sẽ thuộc diện nộp thuế TNDN tại Việt Nam.

Luật cũng làm rõ nguyên tắc nguồn thu nhập:

“Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài ... là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.” (**khoản 3 Điều 3**)

📌 Đây là bước tiến lớn trong việc đưa các tập đoàn công nghệ xuyên biên giới (Big Tech, sàn TMĐT toàn cầu...) vào khuôn khổ quản lý thuế, tạo sân chơi công bằng hơn giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách.

Nội dung 2: Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 67/2025/QH15 – Quy định mới về thu nhập chịu thuế, chi phí được trừ và ưu đãi thuế (2)



3. Bổ sung nhiều khoản thu nhập chịu thuế và chi phí được trừ

3.1. Thu nhập chịu thuế (mở rộng):

- Chênh lệch do đánh giá lại tài sản khi góp vốn, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi;
- Tiền thưởng, phạt hợp đồng, các khoản tài trợ, tặng cho;
- Thu nhập từ tín chỉ các-bon, trái phiếu xanh, chứng chỉ giảm phát thải;
- Thu nhập phát sinh ở nước ngoài (được khấu trừ thuế đã nộp tại nước sở tại, trong giới hạn theo quy định Việt Nam).

3.2. Chi phí được trừ (mở rộng):

- Chi nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;
- Chi giảm phát thải khí nhà kính, trung hòa carbon (net zero), bảo vệ môi trường;
- Chi xây dựng công trình công cộng phục vụ hoạt động SXKD;
- Chi cho người được biệt phái điều hành tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;
- Thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế nay được tính vào chi phí được trừ.



Những quy định này giúp doanh nghiệp giảm gánh nặng tài chính trong quá trình sản xuất – đầu tư, đồng thời khuyến khích các hoạt động xanh, đổi mới công nghệ và trách nhiệm xã hội.

4. Thay đổi về thuế suất – hướng đến sự cạnh tranh và khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ

Đối tượng áp dụng	Thuế suất TNDN
Doanh nghiệp thông thường	20%
Doanh nghiệp có doanh thu ≤ 3 tỷ đồng/năm	15%
Doanh nghiệp có doanh thu >3 tỷ đến ≤ 50 tỷ đồng/năm	2%
Hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí, tài nguyên quý hiếm	25% – 50%



Mức thuế suất giảm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thể hiện định hướng hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân, giúp tăng sức cạnh tranh và khả năng tích lũy vốn.

Nội dung 2: Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 67/2025/QH15 – Quy định mới về thu nhập chịu thuế, chi phí được trừ và ưu đãi thuế (3)



5. Phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu (bổ sung mới)

Luật 67/2025 bổ sung phương pháp tính thuế TNDN theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu, áp dụng cho:

- Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam;
- Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm ≤ 3 tỷ đồng, nhưng không xác định được chi phí và thu nhập.
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phát sinh thu nhập chịu thuế, nhưng chỉ hạch toán được doanh thu mà không xác định được chi phí hoặc lợi nhuận.



Cách tính này giúp đơn giản hóa thủ tục thuế cho các đối tượng có quy mô nhỏ hoặc đặc thù, vẫn đảm bảo nghĩa vụ thuế tối thiểu, đồng thời tăng tính minh bạch trong quản lý thuế với doanh nghiệp nước ngoài.

6. Ưu đãi thuế – điều chỉnh tiêu chí và mở rộng ngành nghề trọng điểm

6.1. Điều chỉnh thời gian và điều kiện ưu đãi:

- Giảm thời gian miễn thuế với thu nhập từ bán sản phẩm công nghệ mới lần đầu: tối đa 3 năm (trước đây là 5 năm).
- Tăng quy mô vốn đầu tư tối thiểu để hưởng mức 10% trong 15 năm: dự án phải có vốn ≥ 12.000 tỷ đồng, giải ngân trong 5 năm, và công nghệ đạt yêu cầu của Bộ KH&CN.

6.2. Mở rộng ngành, nghề ưu đãi:

- Từ lĩnh vực phần mềm và công nghệ cao truyền thống sang các ngành công nghệ số, an toàn thông tin mạng, sản xuất chip bán dẫn, trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo.
- Bổ sung dự án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ươm tạo – khởi nghiệp sáng tạo, khu làm việc chung.
- Dự án đầu tư hạ tầng đặc biệt (cầu, đường, nhà máy nước, điện, sân bay, cảng...) tiếp tục được ưu đãi.
- Sản xuất, lắp ráp ô tô: áp dụng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm (thay vì 10% như trước).

6.3. Chính sách miễn, giảm thuế:

Hình thức ưu đãi	Miễn thuế tối đa	Giảm 50% thuế TNDN tối đa
Thu nhập hưởng ưu đãi thuế suất 10%	4 năm	9 năm tiếp theo
Thu nhập hưởng ưu đãi thuế suất 17%	2 năm	4 năm tiếp theo

- Thủ tướng Chính phủ có thể kéo dài thời gian miễn, giảm tối đa 1,5 lần đối với dự án đặc biệt.
- Doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn TNDN trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
- Tổ chức KH&CN công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì lợi nhuận cũng được miễn thuế.

Nội dung 2: Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 67/2025/QH15 – Quy định mới về thu nhập chịu thuế, chi phí được trừ và ưu đãi thuế (4)



7. Quy định mới về bù trừ lỗ

- Doanh nghiệp được phép bù trừ lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản vào thu nhập từ các hoạt động SXKD khác (doanh nghiệp tự lựa chọn)
- Trừ các trường hợp đang được hưởng ưu đãi thuế hoặc thu nhập từ khai thác – chế biến khoáng sản (phải kê khai riêng).

Đây là thay đổi mang tính thực tiễn cao, giúp phản ánh đúng kết quả kinh doanh và giảm méo mó trong quyết toán thuế.

8. Khuyến nghị cho các doanh nghiệp:

- Rà soát nghĩa vụ TNDN đối với thu nhập xuyên biên giới (đặc biệt các hợp đồng TMĐT, quảng cáo quốc tế...);
- Cập nhật quy trình kế toán – chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt;
- Chuẩn bị hồ sơ chứng minh ngành, nghề, địa bàn ưu đãi (nếu có).

Căn cứ pháp lý: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

Nội dung 3: Hướng dẫn áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu – Nghị định 236/2025/NĐ-CP (1)

1. CĂN CỨ VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

- Ngày 29/8/2025, Chính phủ ban hành **Nghị định số 236/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 107/2023/QH15 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.**
- Nghị định hướng dẫn việc xác định, kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu trong nước (QDMTT) đối với các tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu từ 750 triệu EUR trở lên, nhằm ngăn ngừa hành vi chuyển lợi nhuận sang các quốc gia có thuế suất thấp và bảo đảm quyền thu thuế của Việt Nam.

2. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Theo **Điều 2 Nghị định 236/2025/NĐ-CP**, đối tượng phải nộp thuế bổ sung gồm:

- Doanh nghiệp thành viên của tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu đạt từ 750 triệu EUR trở lên trong ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm tài chính tính thuế;
- Doanh nghiệp có cơ sở thường trú tại Việt Nam thuộc tập đoàn đáp ứng điều kiện trên;
- Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai – bao gồm công ty mẹ tối cao, công ty mẹ trung gian hoặc cơ sở thường trú tại Việt Nam được chỉ định kê khai thuế bổ sung theo quy định của Bộ Tài chính.

3. THUẾ SUẤT VÀ CÁCH TÍNH THUẾ BỔ SUNG

- Mức thuế suất tối thiểu toàn cầu: 15% theo chuẩn OECD/G20 (Pillar Two).
- Cách tính thuế bổ sung:
Thuế bổ sung phải nộp = (15% × Lợi nhuận kế toán điều chỉnh) – Thuế TNDN thực tế đã nộp tại Việt Nam.
- Trường hợp kết quả tính toán ≤ 0 , doanh nghiệp không phải nộp thuế bổ sung.
- Các yếu tố để xác định lợi nhuận kế toán điều chỉnh và thuế thực nộp được quy định chi tiết tại **Phụ lục II kèm theo Nghị định.**

Nội dung 3: Hướng dẫn áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu – Nghị định 236/2025/NĐ-CP (2)

4. HIỆU LỰC THI HÀNH

- Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/10/2025.
- Áp dụng từ năm tài chính **2024** (bao gồm các tập đoàn có năm tài chính bắt đầu từ tháng 12/2023).
- Các quy định trong Nghị định không được dùng để xác định số thuế phải nộp theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

5. HỒ SƠ, MẪU BIỂU VÀ PHỤ LỤC KÈM THEO

NGHỊ ĐỊNH 236/2025/NĐ-CP BAN HÀNH KÈM 03 PHỤ LỤC, BAO GỒM:

- Phụ lục I: Giải thích thuật ngữ theo quy định của OECD về thuế tối thiểu toàn cầu (ví dụ: công ty mẹ tối cao, cơ sở thường trú, đơn vị hợp thành);
- Phụ lục II: Cách xác định các yếu tố tính thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (lợi nhuận điều chỉnh, thuế thực nộp, quy đổi ngoại tệ...);
- Phụ lục III: Mẫu tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung – Mẫu số 01/TNDN-QDMTT áp dụng cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam.

6. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận và quản lý kê khai thuế bổ sung;
- Tổng cục Thuế xây dựng hệ thống khai nộp điện tử cho QDMTT;
- UBND cấp tỉnh và cơ quan thuế địa phương phối hợp với doanh nghiệp FDI trong việc triển khai, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện.
- Bộ KH&ĐT và Bộ Công Thương được giao đề xuất chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư thay thế, đảm bảo Việt Nam vẫn duy trì môi trường đầu tư hấp dẫn trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.

Căn cứ pháp lý: Nghị định 236/2025/NĐ-CP về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

Nội dung 4: Hướng dẫn hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu – Theo Công văn số 1912/CT-CS ngày 20/6/2025 của Cục Thuế Hà Nội (1)

1. Căn cứ pháp lý

Công văn 1912/CT-CS được ban hành trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành về thuế GTGT, gồm:

- Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 và Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 209/2013/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Thông tư số 219/2013/TT-BTC, Thông tư số 26/2015/TT-BTC, Thông tư số 119/2014/TT-BTC, Thông tư số 25/2018/TT-BTC và Thông tư số 80/2021/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BTC).

Các văn bản này quy định điều kiện, nguyên tắc khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

2. Trường hợp được hoàn thuế GTGT

Theo hướng dẫn của Cục Thuế Hà Nội:

-Doanh nghiệp có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên trong tháng hoặc quý được hoàn thuế GTGT theo tháng hoặc quý.

-Trường hợp doanh nghiệp vừa có hoạt động xuất khẩu, vừa có hoạt động tiêu thụ nội địa, thì phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào dùng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

-Nếu không hạch toán riêng được, thì phải phân bổ theo tỷ lệ:

+ Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu = Tổng thuế GTGT đầu vào × (Doanh thu hàng xuất khẩu / Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ)

(tính từ kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại).



Nội dung 4: Hướng dẫn hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu – Theo Công văn số 1912/CT-CS ngày 20/6/2025 của Cục Thuế Hà Nội (2)

3. Nguyên tắc xác định và giới hạn số thuế được hoàn

- Sau khi bù trừ giữa số thuế GTGT đầu vào và thuế GTGT phải nộp cho hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa, nếu số thuế còn được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế.
- Số thuế GTGT được hoàn không vượt quá:

Doanh thu hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu \times 10%.

Nghĩa là mức hoàn thuế tối đa không được vượt quá thuế đầu ra tính theo thuế suất 10% của phần doanh thu xuất khẩu.

4. Hồ sơ và thủ tục đề nghị hoàn thuế

Doanh nghiệp cần chuẩn bị hồ sơ hoàn thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 28 Thông tư 80/2021/TT-BTC, gồm:

- Giấy đề nghị hoàn thuế (theo mẫu);
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra;
- Tờ khai thuế GTGT;
- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng;
- Tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

Doanh nghiệp gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trường hợp trong công văn là Chi cục Thuế khu vực VIII – Yên Bái) để được kiểm tra, giải quyết theo quy định.

5. Hướng dẫn thực hiện

Cục Thuế yêu cầu doanh nghiệp:

- Căn cứ các quy định nêu trên để tự xác định điều kiện hoàn thuế;
- Liên hệ cơ quan thuế quản lý trực tiếp để cung cấp hồ sơ cụ thể và được xem xét hoàn thuế theo đúng quy định;
- Lưu ý các chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là điều kiện bắt buộc để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

Căn cứ pháp lý: Công văn số 1912/CT-CS ngày 20/6/2025 của Cục Thuế Hà Nội



Nội dung 5: Hướng dẫn hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu – Theo Công văn số 3611/CT-CS ngày 05/9/2025 của Cục Thuế Hà Nội (1)

1. Căn cứ pháp lý

Công văn 3611/CT-CS được ban hành trên cơ sở các văn bản pháp luật sau:

- Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2013/QH13 và Luật số 106/2016/QH13;
- Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định 12/2015/NĐ-CP, 100/2016/NĐ-CP, 146/2017/NĐ-CP;
- Thông tư số 219/2013/TT-BTC, Thông tư số 119/2014/TT-BTC, Thông tư số 26/2015/TT-BTC, Thông tư số 130/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT;
- Công văn số 5559/BTC-TCT ngày 08/5/2020 của Bộ Tài chính về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư;
- Và Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 cùng Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 (hiệu lực từ 01/7/2025).

2. Trường hợp được hoàn thuế GTGT

Theo hướng dẫn của Cục Thuế Hà Nội, trường hợp của Công ty TNHH May Tinh Lợi được nêu trong công văn là ví dụ điển hình:

- Công ty thực hiện dự án đầu tư gồm nhiều giai đoạn, hạng mục để phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
- Doanh thu xuất khẩu chiếm hơn 90% tổng doanh thu, và trong quá trình đầu tư, công ty phát sinh thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định dùng cho dự án.
- Trường hợp này thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT theo quy định pháp luật thuế GTGT, cụ thể:
- Khi dự án đang trong giai đoạn đầu tư, phần thuế GTGT đầu vào phát sinh được xem xét hoàn thuế nếu đủ điều kiện;
- Khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động, nếu có phát sinh doanh thu xuất khẩu, thì số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định sử dụng cho sản xuất hàng hóa xuất khẩu được hoàn thuế GTGT xuất khẩu theo quy định.



Nội dung 5: Hướng dẫn hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu – Theo Công văn số 3611/CT-CS ngày 05/9/2025 của Cục Thuế Hà Nội (2)

3. Quy định áp dụng từ ngày 01/7/2025

Từ ngày 01/7/2025, việc hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư được áp dụng theo quy định mới tại **khoản 2 Điều 15 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15** và **Điều 30 Nghị định 181/2025/NĐ-CP**.

Một số điểm mới đáng lưu ý:

- Tách bạch rõ giữa dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp;
- Bỏ yêu cầu phải có doanh thu xuất khẩu ngay trong kỳ hoàn thuế – doanh nghiệp chỉ cần chứng minh mục đích đầu tư phục vụ hoạt động chịu thuế GTGT;
- Số thuế GTGT đầu vào của giai đoạn đầu tư được hoàn khi chưa phát sinh doanh thu, nếu đáp ứng điều kiện theo Điều 15 Luật Thuế GTGT 2024;
- Khi dự án hoàn thành, doanh nghiệp tiếp tục được hoàn thuế GTGT đầu vào của hoạt động xuất khẩu nếu sau khi bù trừ còn từ 300 triệu đồng trở lên.

4. Nguyên tắc xác định số thuế được hoàn

- Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư được xác định là phần thuế phát sinh từ hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định sử dụng trực tiếp cho dự án.
- Nếu dự án đầu tư phục vụ đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế, doanh nghiệp phải phân bổ theo tỷ lệ doanh thu của hoạt động chịu thuế GTGT.
- Số thuế GTGT đầu vào được hoàn phải được kiểm toán, xác nhận theo quy định kế toán và không vượt quá 10% doanh thu xuất khẩu trong kỳ hoàn thuế (nếu có hoạt động xuất khẩu).

Nội dung 5: Hướng dẫn hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu – Theo Công văn số 3611/CT-CS ngày 05/9/2025 của Cục Thuế Hà Nội (3)

5. Hướng dẫn thực hiện

- Hồ sơ hoàn thuế phải đáp ứng đủ điều kiện theo **Luật Thuế GTGT 2024** và **Nghị định 181/2025/NĐ-CP**;
- Không giải quyết hoàn thuế trùng giữa hai giai đoạn (đầu tư và hoạt động sản xuất);
- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là điều kiện bắt buộc để được hoàn thuế GTGT đầu vào.



KHUYẾN NGHỊ



Doanh nghiệp đang có dự án đầu tư dở dang hoặc sắp hoàn thành cần:

- Rà soát hồ sơ đầu tư, chứng từ thanh toán, hóa đơn đầu vào;
- Xác định rõ phần thuế GTGT đầu vào thuộc dự án đầu tư và hoạt động xuất khẩu;
- Cập nhật quy định mới từ 01/7/2025 để tránh sai sót khi lập hồ sơ hoàn thuế.

Căn cứ pháp lý: Công văn số 3611/CT-CS ngày 05/9/2025 của Cục Thuế Hà Nội



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT TÍN

THÔNG TIN LIÊN HỆ



Lầu 7, Tòa nhà ACB Tower, số 444A-446 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiêu Lộc, TP.HCM



028 3990 6959

Di động: 0906 893 984 - Mr Võ Văn Vân – Tổng Giám đốc
037 5253680 - Ms. Thanh - Pháp chế



vanvv@vtac.com.vn



www.vtac.com.vn

